



## BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Tháng 11/2020

### I/ Tình hình thị trường tháng 10//2020:

#### 1) Tổng quan thị trường:

Thị trường Pakistan trong tháng 10/2020 nổi bật với sản xuất hàng công nghiệp tăng, sản xuất nông nghiệp giảm, xuất khẩu tăng, nhập khẩu giảm. Đồng Rupi tăng giá.

Tháng 10/2020 sản xuất công nghiệp tăng 6,66 % so với cùng kỳ năm trước và tăng 3,95 % so với tháng 9/2020.

Tháng 10/2020 đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt 317 triệu USD, tăng 67,72 % so với tháng 9/2020. Dự trữ ngoại hối đạt 19,40 tỷ USD, tăng 0,10 %. Kiều hối đạt 2,28 tỷ USD, tăng 0,0 %. Lạm phát 8,91 %, giảm 1,32 %.

Tính đến hết tháng 9/2020 tổng số nợ công là 448,01 tỷ USD, tăng 0,55 % so với tháng 6/2020, chiếm 98,3 % GDP trong đó nợ trong nước là 259,34 tỷ USD, tăng 1,37 %. Nợ nước ngoài là 188,67 tỷ USD, giảm 0,59 %.

Đồng rupi tăng giá 1,83%. Tỷ giá USD/rupi tháng 10/2020 là 1 USD = 162,80 ru-pi.

Xuất khẩu tháng 10/2020 đạt 2,10 tỷ USD, tăng 4,21 % so với cùng kỳ năm trước. Từ tháng 7-10/2020 xuất khẩu đạt 7,58 tỷ USD, giảm 0,62 %.

Nhập khẩu tháng 10/2020 đạt 3,90 tỷ USD, giảm 3,58 % so với cùng kỳ năm trước. Từ tháng 7-10/2020 nhập khẩu đạt 15,19 tỷ USD, giảm 0,38 %.

Tháng 10/2020 xuất khẩu của Việt Nam sang Pakistan đạt 49.767.717 triệu USD, tăng 59,11 % so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu 10 tháng đạt 313.356.706 triệu USD, tăng 9,74 %.

Tháng 10/2020 nhập khẩu của Việt Nam từ Pakistan đạt 12.872.677 triệu USD, giảm 2,02 % so với cùng kỳ năm trước. Nhập khẩu 10 tháng đạt 92.731.407 triệu USD, giảm 31,65 %.

## 2) Chi tiết thị trường:

Tháng 10/2020 sản xuất dệt may tăng 2,39 %, than và xăng dầu giảm 1,67 %, dược phẩm tăng 11,29 %, khoáng sản phi kim loại tăng 24,48 %, ô tô tăng 10,72 %, sắt thép tăng 2,76 %, điện tử giảm 30,47 %, giấy tăng 9,09 %, cơ khí giảm 25,45 %, sản phẩm cao su giảm 11,30 %, thực phẩm đồ uống và thuốc lá tăng 8,61 %, hóa chất tăng 5,97 %, phân bón tăng 18,53 %, đồ da giảm 39,66 %, sản phẩm gỗ giảm 57,14 %.

Sản xuất lúa mì ở Pakistan đang đối mặt với thách thức về tính bền vững để đáp ứng các yêu cầu lương thực của đất nước. Các lý do chính khiến sản lượng lúa mì giảm trong năm qua là; Không có sẵn hạt giống giống đã được chứng nhận và cải tiến; Sử dụng phân bón thiếu cân đối, đặc biệt là phân lân do giá cao; Bệnh rỉ sét lây lan do độ ẩm cao; Mưa lớn vào thời điểm lúa mì chín/thu hoạch. Ủy ban Nông nghiệp Quốc gia họp ngày 10/11/2020 quyết định giá hỗ trợ lúa mì cố định cho vụ năm nay là 1650 Rs./40 kg so với 1365 Rs./ 40 kg năm 2019.

Lúa mì bắt đầu đến vụ gieo trồng. Việc gieo trồng đang được tiến hành thuận lợi nhờ thu hoạch bông và lúa gạo kết thúc đúng hạn. Năm nay diện tích trồng lúa mì và mục tiêu sản xuất đã được tăng lên để đáp ứng nhu cầu lương thực của đất nước trong năm 2020-21. Ủy ban Nông nghiệp Quốc gia họp ngày 22/10/2020 quyết định chỉ tiêu đạt 9,21 triệu héc-ta lúa mì, sản lượng đạt 27 triệu tấn, năng suất đạt 2,932 tấn/ha.

Bông đã đến kỳ thu hoạch và dự kiến sẽ kết thúc vào cuối tháng 11. Sản lượng thấp hơn năm trước và không đạt mục tiêu đề ra. Nguyên nhân là do thời tiết không thuận lợi và sâu bệnh đang ở mức cao nhất ảnh hưởng đến sản lượng và chất lượng bông. Theo báo cáo ngày 1/12/2020 của Hiệp hội Kéo Sợi Pakistan sản lượng bông chỉ đạt 4,648 triệu kiện so với 7,448 triệu kiện năm ngoái, giảm 37,59 %. Giá bông trên thị trường quốc tế tháng 11/2020 tăng 1,14 %, trung bình đạt 77,77 xu/lb so với 76,90 xu/lb tháng 11/2019. Trên thị trường Pakistan, giá bông trung bình trong tháng 11/2020 là 10.172 Rs./40kg so với 9.809 Rs./40kg tháng 11/2020, tăng 3,70 %.

Mía bước vào giai đoạn thu hoạch. Mùa ép mía năm nay bắt đầu sớm hơn gần một tháng so với các năm trước. Điều này sẽ giúp giảm giá đường trên thị trường chung do nguồn cung đường đang tăng trên thị trường. Chính phủ tỉnh Punjab đã thông báo giá hỗ trợ mía là 200Rs./40 kg trong khi chính phủ tỉnh Sindh mới đề xuất giá hỗ trợ là 202 Rs./40kg. Nông dân đang yêu cầu chính phủ tỉnh Sindh có thông báo giá hỗ trợ sớm nhất. Tuy nhiên, giá mua mía thường cao hơn giá hỗ trợ và nằm trong khoảng 225-250 Rs./ 40kg. Các nhà máy đường cạnh tranh nhau để mua mía vì vậy giá thu mua mía thay đổi hàng ngày và cao hơn giá hỗ trợ của chính phủ.

Thu hoạch lúa gạo bắt đầu đại trà trong tháng 10 với lúa basmati trong tháng 11. Lúa gạo là cây trồng có năng suất cao nhất trong vụ đông xuân năm nay do diện tích tăng và năng suất lúa lai cao và mưa thuận gió hòa. Giá gạo basmati tháng 11/2020 giảm 3,9% so với cùng kỳ năm trước. Giá gạo thường tháng 11/2020 giảm 5,9% so với cùng kỳ năm trước.

Từ tháng 7-10/2020 xuất khẩu nông sản đạt 1,13 tỷ USD, giảm 16,77 % so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu gạo đạt 499,49 nghìn tấn trị giá 595,5 triệu USD, giảm 21,19 %; Xuất khẩu dệt may đạt 4,8 tỷ USD, tăng 3,78 %; Xuất khẩu dầu và than đạt 66,6 triệu USD, giảm 32,52 %; Xuất khẩu hàng công nghiệp

đạt 1,08 tỷ USD, tăng 0,51 %; Xuất khẩu hóa chất và dược phẩm đạt 331,6 triệu USD, tăng 2,95 %.

Từ tháng 7-10/2020 nhập khẩu lương thực thực phẩm đạt 2,3 tỷ USD, tăng 43,49 %; Nhập khẩu máy móc đạt 2,6 tỷ USD, giảm 6,29 %; Nhập khẩu phương tiện vận tải đạt 615 triệu USD, giảm 4,83 %; Nhập khẩu xăng dầu đạt 3,15 tỷ USD, giảm 24,56 %; Nhập khẩu dệt may đạt 947 triệu USD, tăng 56,80 %; Nhập khẩu hóa chất đạt 2,59 tỷ USD, tăng 1,32 %; Nhập khẩu sắt thép kim loại màu đạt 1,46 tỷ USD, tăng 5,57 %.

Các mặt hàng xuất nhập khẩu Việt Nam-Pakistan 10 tháng 2020:

STT	Mặt hàng	VNXK (USD)	STT	Mặt hàng	VNNK (USD)
1	Chè	66.451.345	1	Vải các loại	16.205.831
2	Xơ, sợi dệt các loại	50.070.616	2	Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	16.474.121
3	Hạt tiêu	18.595.297	3	Xơ, sợi dệt các loại	4.345.590
4	Sắt thép các loại	26.782.947	4	Dược phẩm	9.183.961
5	Hàng thủy sản	8.653.112	5	Bông các loại	3.955.351
6	Cao su	9.286.480	6	Hàng hóa khác	42.566.554
7	Hạt điều	2.582.108			
8	Sắn và các sản phẩm từ sắn	507.186			
9	Sản phẩm hóa chất	6.044.368			
10	Sản phẩm sắt thép	572.399			
11	Điện thoại và linh kiện	29.068.384			
12	Máy móc thiết bị	5.996.646			

STT	Mặt hàng	VNXX (USD)	STT	Mặt hàng	VNNK (USD)
13	Phương tiện vận tải	4.916.620			
14	Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng  khác	5.996.646			
15	Hàng hóa khác	83.829.197			
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>313.356.706</b>		<b>Tổng cộng:</b>	<b>92.731.407</b>

## **II/ Cảnh báo phòng vệ thương mại, biến động thị trường, các thay đổi về chính sách kinh tế, thương mại:**

Nhận lời mời của chính phủ Trung Quốc, Pakistan đã tham gia Hội chợ Trung Quốc-ASEAN lần thứ 17 tổ chức tại thành phố Nam Ninh từ 27-30/11/2020. Phát biểu trực tuyến trong lễ khai mạc hội chợ, Tổng thống Pakistan Arif Alvi đề nghị thành lập tam giác thương mại Pakistan-Trung Quốc-ASEAN để tối đa hóa các cơ hội thương mại liên vùng. Bộ Trưởng Ngoại giao Pakistan Shah Mahmood Qureshi phát biểu trong Lễ Kỷ niệm Ngày ASEAN thứ 53 cho biết Pakistan sẽ tiếp tục làm sâu sắc hơn và tăng cường hơn nữa quan hệ chính trị, kinh tế, văn hóa với ASEAN và các nước thành viên theo chính sách đối ngoại “Tầm nhìn Đông Á”. Bộ Trưởng nhấn mạnh quan hệ Pakistan-ASEAN có lịch sử từ nền văn minh Gandhara.

Pakistan và Afghanistan dự kiến ký hiệp định ưu đãi thương mại (PTA) vào tháng 1/2021. Hai nước cũng sẽ ký lại hiệp định quá cảnh hàng hóa trong dịp này.

## **III/ Dự báo tình hình thị trường tháng 12/2020:**

Sản xuất công nghiệp tăng, sản xuất nông nghiệp giảm. Xuất khẩu tăng, nhập khẩu giảm. Đồng rupi tăng giá.

#### **IV/ Thông báo:**

##### **1/ Tìm người bán:**

Nhu cầu: Creora spandex yarn

Địa chỉ liên hệ:

Mr. Jamshed

E-mail: alfattah123@hotmail.com

#### **VI/ Thông tin chuyên đề:**

##### **Thị trường gỗ ván ghép Pakistan năm 2019:**

Năm 2019 tổng nhập khẩu của Pakistan là 6,4 triệu USD, chủ yếu từ Trung quốc, I-ta-li-a, Malaysia. Việt Nam chưa thâm nhập được vào thị trường.

Exporter	HS Code	Value	Quantity (kg)
World	4418	\$6,418,375	0
China	4418	\$4,763,994	0
Italy	4418	\$322,941	122,363
Malaysia	4418	\$313,024	106,284
Poland	4418	\$254,879	72,173
Turkey	4418	\$230,029	84,899
Germany	4418	\$202,690	66,495
Belgium	4418	\$86,008	30,620
Switzerland	4418	\$56,363	21,624
Sweden	4418	\$39,461	12,484
Austria	4418	\$38,083	12,660
Indonesia	4418	\$28,696	9,834
Russian Federation	4418	\$25,134	7,752

Other Asia, nes	4418	\$23,041	10,450
Denmark	4418	\$11,455	3,300
United Arab Emirates	4418	\$7,164	2,397
Czechia	4418	\$6,020	2,270
United Kingdom	4418	\$5,861	1,760
China, Hong Kong SAR	4418	\$1,449	600
USA	4418	\$1,442	508
Spain	4418	\$340	100
Other Europe, nes	4418	\$293	80